TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH KHÁNH HÒA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 147/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 – 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rực

Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Ngô Tiến Thành.

. Ông Trần Đình Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Lê Thị H– sinh năm 1985; địa chỉ: 45/4 đường LT, phường PL, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt.

***** *Bị đơn:* Phùng Khánh B– sinh năm 1975 – địa chỉ: Số 3 đường VX, tổ 17 thôn VX, xã VT, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Tôi (H) yêu cầu ly hôn với anh Phùng Khánh B. Chúng tôi tự nguyện kết hôn từ năm 2001, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại UBND phường XH, thành phố N, Khánh Hòa. Chúng tôi có 02 con chung là Phùng Khánh T- sinh ngày 07/7/2004 và Phùng Khánh Trường H- sinh ngày 07/4/2009.

Cuộc sống chung không hạnh phúc, nhiều bất hòa, anh B thường ăn nhậu say xỉn về nhà kiếm chuyện xúc phạm, chửi bới đánh đập tôi, tôi đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh B không sửa đổi, chúng tôi sống ly thân đã hơn 04 năm. Nay xác định tình cảm không còn, tôi **y**êu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, chúng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Phùng Khánh B để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng ông B đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông B và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phùng Khánh B là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Khánh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn là ông Phùng Khánh B và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì bà Lê Thị H và ông Phùng Khánh B kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường XH, thành phố N, Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 01/2004 ngày 05 tháng 10 năm 2004. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Phùng Khánh B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phùng Khánh B. Xét lời khai của bà H thì cuộc sống chung vợ chồng giữa bà H, ông B có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Theo bà H thì do ông B sống không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên say xỉn về nhà xúc phạm, đánh đuổi vợ. Mặc dù bà H đã khuyên nhủ nhiều nhưng ông B không thay đổi, bà H đã đưa con thuê nhà sống riêng hơn 04 năm nay, hơn 04 năm vợ chồng mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy không thể có hạnh phúc với người chồng như vậy, tình cảm không còn nên bà H yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa bà H và ông B đã đến hồi trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng ông B đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông B không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Khánh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà H, ông B có hai con chung là Phùng Khánh T- sinh ngày 07/7/2004 và Phùng Khánh Trường H- sinh ngày 07/4/2009, theo bà H thì các cháu hiện đang sống cùng bà H. Mặt khác, cả hai cháu T, H đều có lời khai là muốn được sống cùng với mẹ nếu ba, mẹ ly hôn. Do vậy yêu cầu của bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi thành niên là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định tài sản chung không có và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn ông Phùng Khánh B đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông Phùng Khánh B.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phùng Khánh B.

- Giao 02 con chung là Phùng Khánh T- sinh ngày 07/7/2004 và Phùng Khánh Trường H- sinh ngày 07/4/2009 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông Phùng Khánh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà H, ông B đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định tài sản chung không có và xác định không có nợ chung nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0006377 ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
. Viện kiểm sát nhân dân thành phố N;
. UBND phường XH, thành phố N
(Đăng ký kết hôn ngày 05/10/2004);
. Thi hành án dân sự thành phố N;
. Đương sự;
. Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Rực